

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn,  
tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Dũng

2. Ông Hoàng Minh Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa:**  
Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1977 (Có mặt).

*Bị đơn:* Anh Võ Quang T, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 426 QI, tổ 8, phường NG, thành phố Q, tỉnh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2019, bản tự khai ngày 12/6/2019, ngày 19/6/2019, bản tường trình, biên bản hòa giải ngày 05/6/2019 và ngày 19/6/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NG vào ngày 14/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh T sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình anh T gia trưởng, không muốn cho chị H giao tiếp với người khác, tính toán chi ly, ích kỷ sợ chị H chi tiêu phung phí và sợ chị H tranh giành của cải trong gia đình của anh T. Trong cuộc sống vợ chồng, lúc nào anh T cũng nghi ngờ, không tin tưởng, không chia sẻ, có khi cả ngày, cả tháng, cả năm không nói chuyện với nhau, cuộc sống vợ chồng chị H anh T không thể hòa hợp

được. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải thì ngày 10/6/2018 anh T vẫn tiếp tục ghen tuông và đánh chị H vô cớ. Nay chị H thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Võ Quang T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên là Võ Lê Quang H1, sinh ngày 20/01/2004 và Võ Lê Quang Th, sinh ngày 16/9/2007. Khi ly hôn, chị H yêu cầu giao hai con cho chị H nuôi dưỡng, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000 đồng (4.000.000 đồng/con) cho đến khi cháu H1 và Th đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 13/8/2019 và tại phiên tòa chị H thay đổi yêu cầu và đồng ý để cháu H1 cho anh T nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Th và anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi như theo ý kiến của anh T tại Biên bản hòa giải ngày 19/6/2019.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị H anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chị H, anh T có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Q (Agribank) số tiền 400.000.000 đồng. Nếu Ngân hàng có yêu cầu trả nợ thì chị H yêu cầu giải quyết chị H trả 100.000.000 đồng; anh T trả 300.000.000 đồng.

**Tại phiên tòa anh Võ Quang T vắng mặt, nH1 bản tự khai ngày 07/3/2019 và ngày 19/6/2019, biên bản hòa giải ngày 05/6/2019 và ngày 19/6/2019 bị đơn anh Võ Quang T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: T nhất với phần trình bày của chị Lê Thị Thanh H.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống thì bản thân anh T cũng có những việc làm chưa đúng với vợ, có những sai lầm đối với vợ con, anh T hứa từ nay sẽ từ bỏ những sai lầm và khắc phục bản thân, sống đúng nghĩa là một người chồng. Anh T đã yêu cầu chị H cho anh T cơ hội để sửa chữa bản thân, anh T vẫn còn thương yêu chị H và các con nên mong muốn giải quyết cho anh T đoàn tụ để anh T cùng chị H nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Có 02 con chung như chị H trình bày. Trường hợp giải quyết cho ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi cháu Võ Lê Quang H1, chị H nuôi cháu Võ Lê Quang Th, anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh T, chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh T, chị H có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Q số tiền 400.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh T yêu cầu giải quyết mỗi người trả một nửa số tiền nợ trên cho Ngân hàng tương ứng với số tiền 200.000.000 đồng.

Tại văn bản ngày 02/7/2019, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Q có văn bản thể hiện: Anh T và chị H thể chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 773, tờ bản đồ số 11, diện tích 169 m<sup>2</sup> địa chỉ tại xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức tỉnh N, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AD 954268 vào sổ H09966. Tài sản trên được thế chấp để bảo đảm tất

cả khoản vay của anh T, chị H tại Agribank chi nhánh thành phố Q từ ngày 31/7/2015 đến nay. Đến ngày 02/7/2019 anh T và chị H còn nợ Ngân hàng Agribank số tiền 402.566.667 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000.000 đồng, lãi tạm tính là 2.500.000 đồng). Toàn bộ khoản nợ trên là nợ trong hạn chưa phát sinh nợ xấu nên Ngân hàng Agribank không đề nghị giải quyết trong vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa anh T, chị H, trường hợp quá hạn Ngân hàng Agribank sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, thẩm vấn và tranh luận khách quan. Điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung đề nghị giao cháu tên là Võ Lê Quang H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Lê Quang Th cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Về tài sản chung chị H và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết việc nợ trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về phần tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Thanh H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Võ Quang T có địa chỉ tại: số 426 QI, tổ 8, phường NG, thành phố Q, tỉnh N. Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N đã thụ lý vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh H và anh Võ Quang T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường NG, thành phố Q, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 14/3/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh T không tin tưởng nhau, không hòa hợp trong tính tình, cách sống thường xuyên cãi vã, phân ai nấy lo, không quan tâm đến nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn giữa anh T và chị H. Mặc dù anh T mong muốn chị H tha thứ để anh đoàn tụ cùng chăm lo gia đình vì anh còn thương yêu chị H và hai con nH1 qua

phiên hòa giải lần thứ nhất anh T vẫn còn có hành vi ghen tuông đánh chị H được chị H viết bản tường trình và qua Biên bản xác minh ngày 08/7/2019 được chính quyền Ủy ban nhân dân phường NG xác nhận vợ chồng chị H và anh T đã có mâu thuẫn xảy ra xô xát như trên nên lời trình bày của anh T còn thương yêu chị H là không có cơ sở thuyết phục. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung tên là: Võ Lê Quang H1, sinh ngày 20/01/2004 và Võ Lê Quang Th, sinh ngày 16/9/2007. Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu giao cả hai cháu H1 và Th cho chị H nuôi dưỡng, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng 8.000.000 đồng (4.000.000 đồng/con) cho đến khi cháu H1 và Th đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 13/8/2019 và tại phiên tòa chị H thay đổi yêu cầu đồng ý để cháu H1 cho anh T nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Th. Tại biên bản hòa giải ngày 19/6/2019 anh Võ Quang T yêu cầu được nuôi cháu Võ Lê Quang H1, chị H nuôi cháu Võ Lê Quang Th, anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con để ổn định về mặt tinh thần, tình cảm cũng như đảm bảo về điều kiện ăn ở, sinh hoạt và học tập cho hai cháu H1, cháu Th. Nguồn gốc tiền để anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th là từ nguồn tiền anh T, chị H cho thuê căn nhà như lời trình bày của chị H và anh T cũng đồng ý cấp dưỡng cho cháu Th mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu H1 cho anh T, giao cháu Th cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với ý kiến của chị H, anh T đồng thời phù hợp với nguyện vọng của hai cháu H1, Th đã trình bày tại đơn trình bày nguyện vọng cùng ngày 12/6/2019 của hai cháu, anh T cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H và anh T.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh H và anh Võ Quang T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Về nợ chung anh T và chị H nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền đến ngày 02/7/2019 là 402.566.667 đồng, trong đó: nợ tiền gốc là 400.000.000 đồng, nợ tiền lãi tạm tính là 2.500.000 đồng, khi ly hôn chị H yêu cầu được trả 100.000.000 đồng tiền gốc, anh T trả 300.000.000 đồng tiền gốc. NH1 Ngân hàng có ý kiến không yêu cầu khởi kiện nợ trong cùng vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị H, anh T, nếu chị H, anh T có nợ quá hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết về khoản nợ chung giữa chị H anh T trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0000328 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

[7] Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- **Căn cứ vào:** Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh H được ly hôn anh Võ Quang T.

- Giao con chung tên là Võ Lê Quang H1, sinh ngày 20/01/2004 cho anh Võ Quang T, giao con chung tên là Võ Lê Quang Th, sinh ngày 16/9/2007 cho chị Lê Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Võ Quang T cấp dưỡng nuôi cháu Võ Lê Quang Th mỗi tháng 4.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000328 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh N;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND P.NG
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Túc**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Anh Thư – Nguyễn Đình Dũng**

**Trần Thị Túc**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Túc**